Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8505.90.20

Mã HS	8505.90.20
Mô tả hàng hóa	Nam châm điện; nam châm vĩnh cửu và các mặt hàng được dùng làm nam châm vĩnh cửu sau khi từ hóa; bàn cặp, giá kẹp và các dụng cụ để giữ tương tự, hoạt động bằng nam châm điện hoặc nam châm vĩnh cửu; các khớp nối, ly hợp và phanh hoạt động bằng điện từ; đầu nâng hoạt động bằng điện từ / - Loại khác, kể cả các bộ phận: / - - Đầu nâng điện từ
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 11:37:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85059020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15068
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15068
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15068
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14365
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14306
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14306
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14306
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14306
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14306
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14306
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14360
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14360
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14360
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14360

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14360
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14360
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14361
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14361
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14361
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14361
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14361
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14361
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14364
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14312
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14320
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14320
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14320
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14320
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14320
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14320
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14351
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14351
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14351
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14351
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14351
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14351
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14406
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14406
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14406
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14406

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14406
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14406
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14383
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14383
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14383
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14383
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14383
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14383
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14383
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14383
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14383
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14383
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14383
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14383
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14398
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14398
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14398
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14398
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14398
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14398
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14397
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14397
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14397
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14397
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14397
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14397

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14390
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14390
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14390
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14390
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14390
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14390
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14390
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14385
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14385
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14385
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14385
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14385
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14385
RCEP B	2022	2022	0	B!D14385
RCEP B	2023	2023	0	B!E14385
RCEP B	2024	2024	0	B!F14385
RCEP B	2025	2025	0	B!G14385
RCEP B	2026	2026	0	B!H14385
RCEP B	2027	2027	0	B!I14385
RCEP C	2022	2022	0	C!D14385
RCEP C	2023	2023	0	C!E14385
RCEP C	2024	2024	0	C!F14385
RCEP C	2025	2025	0	C!G14385
RCEP C	2026	2026	0	C!H14385
RCEP C	2027	2027	0	C!I14385
RCEP D	2022	2022	0	D!D14384

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14384
RCEP D	2024	2024	0	D!F14384
RCEP D	2025	2025	0	D!G14384
RCEP D	2026	2026	0	D!H14384
RCEP D	2027	2027	0	D!I14384
RCEP E	2022	2022	0	E!D14388
RCEP E	2023	2023	0	E!E14388
RCEP E	2024	2024	0	E!F14388
RCEP E	2025	2025	0	E!G14388
RCEP E	2026	2026	0	E!H14388
RCEP E	2027	2027	0	E!I14388
RCEP F	2022	2022	0	F!D14385
RCEP F	2023	2023	0	F!E14385
RCEP F	2024	2024	0	F!F14385
RCEP F	2025	2025	0	F!G14385
RCEP F	2026	2026	0	F!H14385
RCEP F	2027	2027	0	F!I14385
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13382
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13382
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13382
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13382

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8505.90 có 3 dòng thuế; dòng 8505.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đầu nâng điện từ.	8505.90.10 Nam châm điện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho thiết bị chụp cộng hưởng từ, trừ nam châm điện thuộc nhóm 90.18; 8505.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8505.90.20 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8505.90.20	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8505.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8505.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15068), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.